TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Dũng
Bà Nguyễn Thị Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm: 199x
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Kim Y**, sinh năm: 199x
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D.K, Khánh Hòa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông (Nguyễn Hữu T) và bà Phạm Thị Kim Y tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/10/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ năm 2020, vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, cách ứng xử với mọi người trong gia đình. Trong thời gian xảy ra dịch bệnh Covid-19, thực hiện việc dãn cách xã hội nên không đi làm được dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn về tài chính. Những lúc rảnh rỗi, ông có ăn nhậu với bạn bè thì bà Y chửi bới, xúc phạm ông dẫn đến việc ẩu đả. Ngoài ra, bà Y còn có biểu hiện quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải

nhưng mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và không thể hàn gắn được. Hơn một năm nay, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng không còn ăn, ngủ chung; mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà Y; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Y.

Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 28/10/201x và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/12/201x; hiện nay hai con đang sống chung nhà với vợ chồng ông. Khi ly hôn, ông đồng ý giao Nguyễn Đ cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; ông trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Thiên K cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông làm nghề cắt tóc, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị Kim Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26/10/2011, bà (Phạm Thị Kim Y) và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D đúng như trình bày của ông T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình. Khi xảy ra kình cãi, ông T hay đánh bà, có lần bà báo với tổ trưởng tổ dân phố. Hơn một năm nay, tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống; không còn ăn, ngủ chung; không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, bà có khai là không còn tình cảm với ông T và đồng ý ly hôn ông T. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T nên bà không đồng ý ly hôn ông Thịnh.

Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung đúng như ông T trình bày. Hiện nay, hai con đang sống chung nhà với vợ chồng bà. Trường hợp Tòa án xử vợ chồng ly hôn thì bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà làm nghề uốn tóc, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng; đảm bảo cho việc nuôi dưỡng hai con tốt.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Hữu T đối với bà Phạm Thị Kim Y. Giao con chung Nguyễn Đ cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Nguyễn Thiên K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T, bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự xác định không có nợ chung nên không giải quyết. Nguyên đơn ông T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

[1.1]. Ngày 26/10/2011, ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 203/2011; nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[1.2]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T xác định không còn tình cảm với bà Y; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Y. Bà Y không đồng ý ly hôn ông T vì cho rằng còn tình cảm với ông T. Xét thấy, tại các bản tự khai ngày 14/4/2022, ngày 09/5/2022, các biên bản hòa giải ngày 25/4/2022, ngày 09/5/2022 bà Y đều khai nhận trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn; bà không còn tình cảm với ông T. Tại phiên tòa, bà Y vẫn khai nhận, tuy vợ chồng sống chung nhà nhưng hơn một năm nay, vợ chồng không còn ăn, ngủ chung; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, không ai quan tâm đến ai. Do đó, việc bà Y thay đổi lời khai và cho rằng còn tình cảm với ông T là mâu thuẫn với chính lời khai của bà Y và không phù hợp với mối quan hệ hôn nhân thực tế. Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diên Khánh thì quá trình chung sống giữa ông T và bà Y có xảy ra mâu thuẫn. Như vậy, có cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[2]. Về con chung: Ông T và bà Y xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Đ, sinh ngày 28/10/201x và Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/12/201x; hiện nay, hai con đang sống chung nhà với vợ chồng ông bà. Ông T và bà Y không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi hai con. Xét thấy, ông T và bà Y đều có nghề nghiệp, thu nhập tương đối ổn định; có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi con nên cần giao mỗi con chung cho mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông T đồng ý giao cháu Đ cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo như nguyện vọng của cháu Đ là muốn được ở với mẹ. Đối với cháu K

mặc dù không có lời khai (chưa đủ 7 tuổi), nhưng ông T và bà Y đều khai nhận thực tế, trong thời gian qua, cháu K nghe lời ông Thịnh và thường xuyên ở với ông T hơn bà Y. Trên cơ sở xem xét bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của con nên giao cháu Đ cho bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Ông T và bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[3]. Về tài sản chung: Ông T và bà Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về nợ chung: Ông T và bà Y xác định không có nợ chung.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn ông T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Hữu T được ly hôn bà Phạm Thị Kim Y.

2. Về con chung:

2.1. Giao Nguyễn Đ, sinh ngày 28/10/201x cho bà Phạm Thị Kim Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao Nguyễn Thiên K, sinh ngày 02/12/201x cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kim Y không cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kim Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Quá trình nuôi con chung, ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim Y có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị Kim Y xác định không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà ông Nguyễn Hữu T đã nộp

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0007720 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Như vậy, ông Nguyễn Hữu T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu T, bà Phạm Thị Kim Y được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND thị trấn D, huyện Diên Khánh (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín